

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 56/2020/TLST/ HNGĐ ngày 12 tháng 03 năm 2020 giữa :

Nguyên đơn: Chị Đinh Thị N ; Sinh năm: 1980

Nơi cư trú: Phố 2, thị trấn CN, huyện B T , tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Anh Nguyễn Quang H ; Sinh năm: 1977

Nơi cư trú: khu phố 7, phường Đ, thành phố T H , tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ vào điều 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điều 55, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 23 tháng 03 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi nhận trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 23 tháng 03 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Đinh Thị N và anh Nguyễn Quang H .

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Chị Đinh Thị N và anh Nguyễn Quang H đều tự nguyện thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị Đinh Thị N và anh Nguyễn Quang H tự nguyện thỏa thuận khi ly hôn chị Đinh Thị N trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Như Q ; Sinh ngày 10/3/2005 cho đến khi thành niên. Chị N không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Nguyễn Quang H có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản: Chị Đinh Thị N và anh Nguyễn Quang H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Chị Đinh Thị N và anh Nguyễn Quang H khai không có nợ chung.

- Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 BLTTDS năm 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chị Đinh Thị N và anh Nguyễn Quang H tự nguyện thỏa thuận: Chị Đinh Thị N chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn) nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm chị đã nộp 300.000đ, hoàn trả lại cho chị N 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn) theo biên lai thu số: AA/2018/0007309 ngày 12/03/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bá Thước.

3. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND;
- Chi cục THA;
- Cơ quan thực hiện đăng ký kết hôn;
-
- Lưu Hs.

THẨM PHÁN

Trần Thị Quyên

